# THỜI KHÓA BIỂU HKII THỰC HIỆN TUẦN 21 TỪ 02/02/2026

| Ngày | Buổi | Tiết | 9A | 9B | 9C | 9D | 8D | 8E | 7D | 7E | 6D | 6E | GV TRỰC BAN |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Thứ 2 | | 0 | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | Chào cờ | |
| | Sáng | 1 | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | HĐTN - HN - Như | Như - Khuyến |
| | | 2 | Tiếng Anh - Chung | Tin học - Giản | Toán - Khắc | Toán - V. Hương | LS&ĐL(S) - Thêu | Ngữ văn - Nga | Công nghệ - Hà | HĐTN - HN - Chinh | GDTC - Phường | NT(MT) - Tuệ | |
| | | 3 | Tin học - Giản | GDĐP(S) - Thêu | Ngữ văn - Nhung | KHTN(H) - V. Huyền | Ngữ văn - Nga | Công nghệ - Hà | GDTC - Phường | Toán - Nam | NT(MT) - Tuệ | Tiếng Anh - Khuyến | |
| | | 4 | Ngữ văn - Nga | LS&ĐL(S) - Thêu | Tin học - Giản | KHTN(H) - V. Huyền | Công nghệ - Hà | Tiếng Anh - Khuyến | Ngữ văn - Nhung | NT(MT) - Tuệ | Toán - Như | GDTC - Phường | |
| | Chiều | 1 | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Hiền | KHTN(H) - V. Huyền | Ngữ văn - Nhung | Tiếng Anh - Khuyến | HĐTN - HN - Chinh | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | KHTN(S) - P. Anh | KHTN(S) - Tú | Ngữ văn - Phượng | Chung |
| | | 2 | KHTN(H) - V. Huyền | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Nhung | GDTC - Điểm | Tiếng Anh - Khuyến | Toán - Chinh | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | KHTN(S) - P. Anh | KHTN(S) - Tú | Ngữ văn - Phượng | |
| | | 3 | KHTN(H) - V. Huyền | Ngữ văn - Hiền | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Nhung | GDTC - Điểm | Tiếng Anh - Khuyến | HĐTN - HN - Chinh | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Toán - Như | KHTN(S) - Tú | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | |
| Thứ 3 | Sáng | 1 | Toán - Khắc | LS&ĐL(Đ) - Khuyên | KHTN(H) - V. Huyền | GDTC - Phường | KHTN(L) - Phước | Ngữ văn - Nga | Toán - Nam | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Kiệt | LS&ĐL(S) - Thêu | Phường - Nhung |
| | | 2 | Toán - Khắc | LS&ĐL(Đ) - Khuyên | KHTN(H) - V. Huyền | Toán - Mai | KHTN(L) - Phước | GDTC - Phường | GDĐP(S) - Thêu | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Kiệt | Toán - Nam | |
| | | 3 | LS&ĐL(Đ) - Khuyên | GDTC - Phường | Tiếng Anh - Chung | Toán - Mai | Ngữ văn - Nga | KHTN(L) - Phước | Ngữ văn - Nhung | GDĐP(S) - Thêu | NT(ÂN) - Giang | Toán - Nam | |
| | | 4 | LS&ĐL(Đ) - Khuyên | KHTN(H) - V. Huyền | LS&ĐL(S) - Thêu | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Nga | KHTN(L) - Phước | Ngữ văn - Nhung | Toán - Nam | GDTC - Phường | NT(ÂN) - Giang | |
| | Chiều | 1 | Ngữ văn - Nga | Toán - V. Hương | KHTN(H) - V. Huyền | Ngữ văn - Nhung | Công nghệ - Hà | GDĐP(S) - Thêu | GDCD - Quyền | Ngữ văn - Thuỷ | HĐTN - HN - Hồng | KHTN(S) - Tú | Hà |
| | | 2 | GDTC - Phường | Toán - V. Hương | Ngữ văn - Nhung | KHTN(H) - V. Huyền | GDCD - Quyền | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Tiếng Anh - Hồng | Công nghệ - Hà | GDĐP(V) - Thùy | KHTN(S) - Tú | |
| | | 3 | Ngữ văn - Nga | KHTN(H) - V. Huyền | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Công nghệ - Hà | GDĐP(S) - Thêu | GDCD - Quyền | Ngữ văn - Nhung | GDTC - Phường | Tiếng Anh - Hồng | GDĐP(V) - Thùy | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | |
| Thứ 4 | Sáng | 1 | LS&ĐL(S) - Thêu | Công nghệ - Hà | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | GDCD - Quyền | Tin học - Giản | NT(ÂN) - Giang | NT(MT) - Tuệ | KHTN(L) - Như | Tiếng Anh - Hồng | Ngữ văn - Phượng | Giản-Quyền |
| | | 2 | Công nghệ - Hà | GDCD - Quyền | GDĐP(S) - Thêu | Tin học - Giản | NT(ÂN) - Giang | NT(MT) - Tuệ | KHTN(S) - P. Anh | Ngữ văn - Thuỷ | Tiếng Anh - Hồng | Ngữ văn - Phượng | |
| | | 3 | GDCD - Quyền | NT(ÂN) - Giang | Công nghệ - Hà | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | NT(MT) - Tuệ | Tin học - Giản | KHTN(L) - Như | Ngữ văn - Thuỷ | LS&ĐL(S) - Thêu | Toán - Nam | |
| | | 4 | NT(ÂN) - Giang | NT(MT) - Tuệ | GDCD - Quyền | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Toán - Chinh | Công nghệ - Hà | Tin học - Giản | Toán - Nam | Toán - Như | LS&ĐL(S) - Thêu | |
| | Chiều | 1 | NT(MT) - Tuệ | Tiếng Anh - Chung | Toán - Khắc | GDĐP(S) - Khuyên | Toán - Chinh | LS&ĐL(S) - Thêu | Tiếng Anh - Hồng | Toán - Nam | GDCD - Quyền | KHTN(S) - Tú | Tú |
| | | 2 | GDĐP(S) - Khuyên | Ngữ văn - Hiền | NT(MT) - Tuệ | LS&ĐL(S) - Thêu | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | GDTC - Phường | Toán - Nam | GDCD - Quyền | KHTN(S) - Tú | HĐTN - HN - Hồng | |
| | | 3 | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Hiền | HĐTN - HN - Khắc | NT(MT) - Tuệ | GDTC - Phường | Toán - Chinh | Tiếng Anh - Hồng | LS&ĐL(S) - Thêu | KHTN(S) - Tú | GDCD - Quyền | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | |
| Thứ 5 | Sáng | 1 | Toán - Khắc | HĐTN - HN - V. Hương | NT(ÂN) - Giang | Tiếng Anh - Chung | Tiếng Anh - Khuyến | KHTN(L) - Phước | KHTN(S) - P. Anh | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Ngữ văn - Kiệt | GDTC - Phường | Khắc - N. Huyền |
| | | 2 | Toán - Khắc | KHTN(H) - V. Huyền | GDTC - Phường | Tiếng Anh - Chung | Toán - Chinh | KHTN(L) - Phước | KHTN(S) - P. Anh | NT(ÂN) - Giang | Ngữ văn - Kiệt | Tiếng Anh - Khuyến | |
| | | 3 | HĐTN - HN - Nga | KHTN(H) - V. Huyền | Toán - Khắc | NT(ÂN) - Giang | KHTN(L) - Phước | Tiếng Anh - Khuyến | GDTC - Phường | KHTN(S) - P. Anh | Công nghệ - Kiệt | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | |
| | | 4 | Ngữ văn - Nga | GDTC - Phường | Toán - Khắc | HĐTN - HN - Chung | KHTN(L) - Phước | Toán - Chinh | NT(ÂN) - Giang | Ngữ văn - Thuỷ | LS&ĐL(Đ) - N. Huyền | Công nghệ - Kiệt | |
| | Chiều | 1 | **ÔT Văn - Nga** | **ÔT Toán - V. Hương** | **ÔT Toán - Khắc** | **ÔT Văn - Nhung** | **BD GDCD - Quyền** | **BD Hóa - V. Huyền** | **BD Anh - Hồng** | **BD Lý - P. Anh** | **BD Địa - N. Huyền** | **BD Tin - Giản** | **V. Hương** |
| | | 2 | **ÔT Văn - Nga** | **ÔT Toán - V. Hương** | **ÔT Toán - Khắc** | **ÔT Văn - Nhung** | **BD GDCD - Quyền** | **BD Hóa - V. Huyền** | **BD Anh - Hồng** | **BD Lý - P. Anh** | **BD Địa - N. Huyền** | **BD Tin - Giản** | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | |
| Thứ 6 | Sáng | 1 | KHTN(H) - V. Huyền | Tiếng Anh - Chung | Ngữ văn - Nhung | Toán - V. Hương | Ngữ văn - Nga | LS&ĐL(S) - Thêu | Toán - Nam | GDTC - Phường | Tin học - Giản | Tiếng Anh - Khuyến | Nam - Chinh |
| | | 2 | KHTN(H) - V. Huyền | Toán - V. Hương | GDTC - Phường | Ngữ văn - Nhung | HĐTN - HN - Chinh | Ngữ văn - Nga | Toán - Nam | Tiếng Anh - Chung | LS&ĐL(S) - Thêu | Tin học - Giản | |
| | | 3 | GDTC - Phường | Toán - V. Hương | Tiếng Anh - Chung | KHTN(H) - V. Huyền | Toán - Chinh | Ngữ văn - Nga | LS&ĐL(S) - Thêu | Tin học - Giản | Toán - Như | Toán - Nam | |
| | | 4 | HĐTN-HN - Nga | HĐTN-HN - V. Hương | HĐTN-HN - Khắc | HĐTN-HN - Chung | LS&ĐL(S) - Thêu | Toán - Chinh | HĐTN-HN - Nhung | HĐTN-HN - Nam | HĐTN - HN - Như | HĐTN-HN - Khuyến | |
| | | 5 | | | | | HĐTN-HN - Thêu | HĐTN-HN - Chinh | | | | | |
| | Chiều | 1 | **ÔT Toán - Khắc** | **ÔT Văn - Hiền** | **ÔT Văn - Nhung** | **ÔT Toán - V. Hương** | **BD Văn - Nga** | **BD Tin - Giản** | **BD GDCD - Quyền** | **BD Sinh - P. Anh** | **BD Anh - Khuyến** | **BD Sinh - Tú** | **Hiển** |
| | | 2 | **ÔT Toán - Khắc** | **ÔT Văn - Hiền** | **ÔT Văn - Nhung** | **ÔT Toán - V. Hương** | **PD Văn - Nga** | **BD Tin - Giản** | **BD GDCD - Quyền** | **BD Sinh - P. Anh** | **BD Anh - Khuyến** | **BD Sinh - Tú** | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | |